

Số: 32/2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2026

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân đối với giao dịch, chuyển nhượng, kinh doanh tài sản mã hóa

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 và Luật số 149/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2012/QH12, Luật số 71/2014/QH13 và Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 320/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 181/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 359/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 12/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP của Chính phủ về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân đối với giao dịch, chuyển nhượng, kinh doanh tài sản mã hóa.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân, thời điểm xác định doanh thu, thu nhập đối với giao dịch, chuyển nhượng, kinh doanh tài sản mã hóa theo Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 Thông tư này.

Điều 3. Chính sách thuế giá trị gia tăng

1. Chuyển nhượng, kinh doanh tài sản mã hóa thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

2. Đối với các hoạt động không quy định tại khoản 1 Điều này thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

Điều 4. Chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp

1. Nhà đầu tư là tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam có thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 20%, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 10 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15.

Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa trong kỳ được xác định bằng giá bán tài sản mã hóa trừ đi giá mua của tài sản mã hóa chuyển nhượng và các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng có hóa đơn, chứng từ theo quy định.

2. Doanh nghiệp là tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP có thu nhập từ hoạt động cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 20%, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 10 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15.

3. Nhà đầu tư là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài có hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa qua tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu chuyển nhượng từng lần.

Điều 5. Chính sách thuế thu nhập cá nhân

Nhà đầu tư là cá nhân (không phân biệt cá nhân cư trú hay không cư trú)

có hoạt động chuyên nhượng tài sản mã hóa qua tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân theo tỷ lệ 0,1% trên giá chuyên nhượng từng lần.

Điều 6. Thời điểm xác định doanh thu, thu nhập

Thời điểm xác định doanh thu, thu nhập đối với chuyên nhượng tài sản mã hóa thực hiện như quy định của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân về thời điểm xác định doanh thu, thu nhập đối với chuyên nhượng chứng khoán và pháp luật về tài sản mã hóa.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 27 tháng 3 năm 2026 và được thực hiện theo thời gian thực hiện thí điểm quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 18 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP hoặc cho đến khi có chính sách thuế đối với thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP.

2. Các nội dung không hướng dẫn tại Thông tư này thì thực hiện theo quy định của pháp luật thuế hiện hành.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Công pháp luật quốc gia;
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Công Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (100b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Cao Anh Tuấn